

SỬA ĐỔI, HOÀN THIÊN QUY ĐỊNH VỀ ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ

HUỲNH MINH VŨ

Văn phòng Luật sư Huỳnh Minh Vũ, Đoàn Luật sư TP. Hồ Chí Minh

Huỳnh Minh Vũ Law Office, Ho Chi Minh City Bar Association

Email: lsminhvu@yahoo.com

Tóm tắt

Việc đại diện ủy quyền tham gia tố tụng hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế. Mặc dù luật quy định những trường hợp cụ thể cho phép ủy quyền, nhưng thực tế các quy định còn thiếu sót, nhất là trong các vụ việc dân sự và quan hệ nhân thân. Các văn bản pháp lý hiện hành chưa đồng bộ và có sự bất hợp lý trong việc chứng thực và công nhận các hình thức ủy quyền khác nhau trong suốt quá trình tố tụng. Bài viết đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về đại diện theo ủy quyền để phù hợp với thực tiễn.

Từ khóa: đại diện, chứng thực, ủy quyền, tố tụng dân sự

Abstract

The current practice of representation by power of attorney in legal proceedings has shortcomings. Although the law stipulates specific cases where representation is allowed, the existing regulations are incomplete, especially in civil matters and personal relationships. The current legal documents are not coherent and there is an inconsistency in the certification and recognition of various forms of power of attorney throughout the litigation process. This article proposes amendments and supplements to the regulations on representation by power of attorney to align with practical needs.

Keywords: represent, authentication, authority, civil procedures

DOI: <https://doi.org/10.70236/tckhplvn.221>

Ngày nhận bài: 25/10/2024

Ngày duyệt đăng: 10/01/2025

1. Quy định về hạn chế ủy quyền theo pháp luật tố tụng dân sự

Về việc hạn chế ủy quyền tham gia tố tụng, Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 chỉ quy định tại Điều 85 như sau: “Đối với việc ly hôn, đương sự không được ủy quyền cho người khác thay mặt mình tham gia tố tụng”. Điều 87 của BLTTDS năm 2015 cũng quy định không được làm đại diện theo ủy quyền trong các trường hợp: “a) Nếu họ cũng là đương sự trong cùng một vụ việc với người được đại diện mà quyền và lợi ích hợp pháp của họ đối lập với quyền và lợi ích hợp pháp của người được đại diện; b) Nếu họ đang là người đại diện theo pháp luật trong TTDS cho một đương sự khác mà quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đó đối lập với quyền và lợi ích hợp pháp của người được đại diện trong cùng một vụ việc”.¹ Quy định là vậy, tuy nhiên trong một số vụ việc khác về hôn nhân và gia đình, liên quan đến quan hệ nhân thân, thì các Tòa án không chấp nhận việc đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng.

Ví dụ, trong một vụ việc liên quan đến yêu cầu xác định lại cha mẹ cho con để bổ sung tên cha mẹ vào giấy khai sinh nhằm thực hiện

¹ Triệu Văn Doan, Hoàng Thúy Hằng, Nguyễn Hữu Chinh, “Bàn về vấn đề người đại diện trong pháp luật tố tụng dân sự”, *Trang thông tin điện tử Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội*, 2023, <https://vkshanoi.gov.vn/chi-tiet-tin/ban-ve-van-de-nguoi-dai-dien-trong-phap-luat-to-tung-dan-su-19295.html>, truy cập ngày 12/6/2024.

khai nhận thừa kế, cha mẹ của con đã qua đời, nên khách hàng yêu cầu Tòa án xác nhận lại cha mẹ cho con. Khách hàng đã công chứng giấy ủy quyền cho luật sư thực hiện các thủ tục liên quan đến việc nộp đơn và hỗ trợ các thủ tục pháp lý. Khi cần thực hiện giám định ADN, khách hàng sẽ cùng các anh chị em đến trực tiếp để lấy mẫu và làm theo yêu cầu của Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án Nhân dân huyện B, Thành phố. H lại không chấp nhận giấy ủy quyền mà khách hàng đã công chứng. Tòa giải thích rằng vụ việc này liên quan đến quyền nhân thân, do đó chỉ có người yêu cầu mới có thể trực tiếp tham gia tố tụng. Vì vậy, luật sư phải chuyển sang vai trò bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho đương sự và không thể tiếp tục sử dụng giấy ủy quyền đã công chứng.

Liên quan đến việc “nhận cha, mẹ, con”, pháp luật hộ tịch có quy định về hạn chế ủy quyền tại Điều 2 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. Theo đó, việc “đăng ký nhận cha, mẹ, con” không được ủy quyền cho người khác thực hiện. Tương tự, thủ tục “đăng ký kết hôn” cũng là những việc không được ủy quyền.² Tuy nhiên, đây là những vấn đề cụ thể, được pháp luật chuyên ngành hướng dẫn rõ ràng. Còn BLTTDS năm 2015 thì hoàn toàn không quy định hạn chế ủy quyền trong các vụ án tranh chấp về xác định cha, mẹ cho con hoặc xác định con cho cha, mẹ hoặc các vụ việc yêu cầu xác định cha, mẹ cho con hoặc xác định con cho cha, mẹ. Với các vụ việc khác về hôn nhân và gia đình, trong đó có các vụ việc về quan hệ về nhân thân, BLTTDS năm 2015 cũng không quy định hạn chế ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng, ngoại trừ việc ly hôn theo quy định tại Điều 85. Trong trường hợp này, các Tòa án cũng không thể áp dụng pháp luật tương tự được.

Do vậy, theo tác giả, BLTTDS năm 2015 đã quy định về hạn chế ủy quyền theo hướng tất cả các vụ việc tại Tòa án thì đương sự có quyền ủy quyền cho người khác thay mặt mình tham gia tố tụng, ngoại trừ việc ly hôn và các trường hợp theo quy định tại Điều 87 nói trên. Vì thế, cần kiến nghị Hội đồng Thẩm phán TANDTC ban hành nghị quyết hướng dẫn áp dụng, hoặc thông báo giải đáp (trực tuyến) nhằm thực hiện và áp dụng pháp luật cho đúng, nhằm tránh những vướng mắc, tranh cãi pháp lý về hạn chế ủy quyền như trên.³

2 Nguyễn Văn Điền, “Ủy quyền và các trường hợp không được ủy quyền”, *Tạp chí điện tử Tòa án nhân dân tối cao*, 2019, <https://tapchitoaan.vn/public/uy-quyen-va-cac-truong-hop-khong-duoc-uy-quyen>, truy cập ngày 12/6/2024.

3 Bùi Thị Hà, “Nhìn lại một số quy định về người đại diện của đương sự theo pháp luật Việt Nam”, *Tạp chí điện tử Dân chủ pháp luật*, 2018, <https://danchuphapluat.vn/nhin-lai-mot-so-quy-dinh-ve-nguoi-dai-dien-cua-duong-su-theo-phap-luat-viet-nam>, truy cập ngày 12/6/2024.

2. Hình thức ủy quyền

Việc ủy quyền tham gia (TTDS) rất quan trọng trong việc giải quyết các vụ kiện tranh chấp tại Tòa.⁴ Đặc biệt, đối với các vụ án có đông đương sự, nhiều người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Tòa án rất cần người đại diện theo ủy quyền chung cho nhóm người (không có quyền lợi và nghĩa vụ đối lập với nhau trong vụ án), để việc giải quyết vụ án được nhanh gọn, tiết kiệm công sức và chi phí tổng đạt. Tuy vậy, tác giả nhận thấy quy định về hình thức, thủ tục ủy quyền trong BLTTDS năm 2015 chưa được các nhà làm luật chú trọng, dẫn đến những vướng mắc. Qua rà, soát toàn bộ các quy định liên quan đến hình thức, thủ tục ủy quyền, tác giả nhận thấy:

Điều 85 BLTTDS năm 2015 quy định: “Người đại diện theo ủy quyền theo quy định của Bộ luật Dân sự là người đại diện theo ủy quyền trong TTDS”. Điều 562 BLDS năm 2015 quy định: “Hợp đồng ủy quyền là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện công việc nhân danh bên ủy quyền, bên ủy quyền chỉ phải trả thù lao nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”. Tuy nhiên, không có điều nào quy định về hình thức hợp đồng ủy quyền phải được công chứng, chứng thực.

Trong phần quy định chung về đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng, BLTTDS năm 2015 không quy định về hình thức, thủ tục ủy quyền. Tuy nhiên, tại phần đơn kháng cáo, khoản 6 Điều 272 Bộ luật này có quy định: “Việc ủy quyền quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này phải được làm thành văn bản có công chứng, chứng thực hợp pháp, trừ trường hợp văn bản ủy quyền đó được lập tại Tòa án có sự chứng kiến của Thẩm phán hoặc người được Chánh án Tòa án phân công. Trong văn bản ủy quyền phải có nội dung đương sự ủy quyền cho người đại diện theo ủy quyền kháng cáo bản án, quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm”. Điều 55 của Luật Công chứng năm 2014 cũng quy định như sau: “Khi công chứng các hợp đồng ủy quyền, công chứng viên có trách nhiệm kiểm tra kỹ hồ sơ, giải thích rõ quyền và nghĩa vụ của các bên và hậu quả pháp lý của việc ủy quyền đó cho các bên tham gia”.

Như vậy, với các quy định trên, chỉ có quy định đối với trường hợp văn bản ủy quyền để thực hiện việc kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm thì văn bản ủy quyền phải được công chứng, chứng thực, còn những công việc tham gia tố tụng còn lại chưa có quy định nào buộc

⁴ Margaret YK Woo, Connor Cox, Sarah Rosen, “Access to civil justice”, *The American Journal of Comparative Law*, Vol. 70, Issue Supplement_1, October 2022, tr. i89–i117, <https://doi.org/10.1093/ajcl/avac020>.

phải công chứng, chứng thực văn bản ủy quyền.

Về tên gọi, cả BLDS năm 2015 và Luật Công chứng năm 2014 đều chỉ quy định loại văn bản là “Hợp đồng ủy quyền”, còn BLTTDS năm 2015 thì quy định chung là “Văn bản ủy quyền”. Thực tế hiện nay văn bản ủy quyền chủ yếu và thông dụng là “Giấy ủy quyền” vì thủ tục sẽ đơn giản hơn và chỉ cần người ủy quyền ký tên là đủ và tổ chức hành nghề công chứng sẽ công chứng cả hai loại văn bản là “Giấy ủy quyền” và “Hợp đồng ủy quyền” tùy theo yêu cầu của đương sự.

Nói rằng văn bản ủy quyền chỉ cần công chứng hoặc chứng thực chỉ dùng trong trường hợp kháng cáo bản án, quyết định sơ thẩm. Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay, khi luật sư hay người đại diện nộp đơn khởi kiện, đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, ngay từ thủ tục nộp đơn thì bộ phận thụ lý của Tòa án đã yêu cầu người ủy quyền phải xuất trình văn bản ủy quyền có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc bên ủy quyền là pháp nhân được người đại diện theo pháp luật của pháp nhân đó ký tên đóng dấu – không cần công chứng, chứng thực, thì các Tòa án mới nhận tiếp đơn và xử lý đơn theo quy định.

Theo tác giả, yêu cầu của Tòa án cũng hợp lý vì việc yêu cầu phải có công chứng, chứng thực văn bản ủy quyền là cần thiết và để bảo đảm an toàn về pháp lý cho các bên tham gia tố tụng và cả Tòa án. Văn bản ủy quyền không có công chứng hoặc chứng thực, tạo điều kiện thuận lợi cho các đương sự trong thủ tục hành chính và tạo ra sự bình đẳng giữa các đương sự trong TTDS (cá nhân và pháp nhân đều có các quyền, nghĩa vụ và địa vị tố tụng như nhau).⁵ Tuy nhiên, điều này dễ bị các đương sự lợi dụng làm giả chữ ký, chữ viết, qua đó thực hiện hành vi ủy quyền mà không có sự đồng ý của đương sự hoặc vượt quá phạm vi đại diện, gây thiệt hại cho đương sự khác; còn Tòa án, Thẩm phán có thể bị khiếu nại, bị hủy bản án...

Do vậy, tác giả cho rằng đã đến lúc pháp luật phải bổ sung quy định rõ ràng về hình thức của văn bản ủy quyền. Văn bản ủy quyền được lập ngoài Tòa án, về hình thức phải được công chứng hoặc chứng thực⁶ theo đúng quy định của pháp luật và không phân biệt bất cứ giai đoạn nào của quá trình tố tụng. Ngoài ra, cần khuyến khích đương sự lập văn bản ủy quyền đầy đủ, toàn diện ngay thụ lý vụ án, vì trình tự giải quyết vụ án có nhiều giai đoạn rất quan trọng, chẳng hạn như xác định phạm

5 Phan Thị Bạch Mai, “Văn bản ủy quyền tham gia tố tụng trong vụ án dân sự có bắt buộc phải công chứng, chứng thực hay không?”, *Tạp chí điện tử Tòa án nhân dân tối cao*, 2021, <https://tapchitoaan.vn/van-ban-uy-quyen-tham-gia-to-tung-trong-vu-an-dan-su-co-bat-buoc-phai-cong-chung-chung-thuc-hay-khong>, truy cập ngày 12/6/2024.

6 Vũ Thị Bích Hải, Nguyễn Quyết Thắng, “Bàn về văn bản ủy quyền tham gia tố tụng dân sự”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, Số 399, 2024, <https://danchuphapluat.vn/ban-ve-van-ban-uy-quyen-tham-gia-to-tung-dan-su>, truy cập ngày 12/6/2024.

vi yêu cầu khởi kiện; cung cấp, giao nộp chứng cứ; hòa giải thỏa thuận (thành hoặc không thành); phiên tòa xét xử sơ thẩm; việc thay đổi, rút đơn khởi kiện...

3. Thủ tục công chứng, chứng thực văn bản ủy quyền

3.1. Thủ tục công chứng văn bản ủy quyền

Hiện nay, việc công chứng được xã hội hóa, mạng lưới tổ chức hành nghề công chứng ngày càng phát triển mạnh, rộng khắp cả nước, việc công chứng văn bản ủy quyền lại không phân biệt thẩm quyền địa hạt, nên đương sự có thể liên hệ với bất kỳ tổ chức hành nghề công chứng nào gần nhất để thực hiện công chứng văn bản ủy quyền theo quy định. Về thủ tục, giấy tờ làm cơ sở để công chứng văn bản ủy quyền ngày càng dễ dàng. Trước đây để công chứng văn bản ủy quyền ra trước Tòa án thì các công chứng viên yêu cầu phải có một trong các giấy tờ: Giấy xác nhận/Biên nhận đã nhận đơn khởi kiện, đơn yêu cầu; Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập/Giấy mời; Thông báo phiên họp hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử... Tuy nhiên, hiện nay, văn bản ủy quyền chỉ cần kèm theo Đơn khởi kiện/Đơn yêu cầu hoặc đương sự cam kết đang liên hệ với Tòa án làm các thủ tục khởi kiện... thì các tổ chức hành nghề công chứng vẫn chấp nhận công chứng văn bản ủy quyền.

3.2. Thủ tục chứng thực văn bản ủy quyền

Căn cứ quy định tại Điều 24, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và hợp đồng giao dịch (Nghị định số 23/2015/NĐ-CP), người có thẩm quyền chứng thực được quyền chứng thực chữ ký trong “Giấy ủy quyền đối với trường hợp ủy quyền không có thù lao, không có nghĩa vụ bồi thường của bên được ủy quyền và không liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng bất động sản”. Nếu căn cứ theo quy định trên đây thì người dân, đương sự khi có nhu cầu lập giấy ủy quyền cho người khác ra trước Tòa tham gia tố tụng sẽ đến UBND cấp xã (nơi nào gần nhất và tiện nhất; không phân biệt nơi cư trú, nơi làm việc) để yêu cầu chứng thực chữ ký trong giấy ủy quyền. Việc chứng thực này được người dân, đương sự, giới Luật sư và UBND cấp xã tiến hành chứng thực bình thường và sử dụng nộp cho Tòa án, cho các cơ quan có thẩm quyền khác và có thể nói rất phổ biến từ trước cho đến nay.

Tuy nhiên, từ ngày 03/03/2020 Bộ Tư pháp lại ban hành Thông tư số 01/2020/TT-BTP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về Cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch (Thông tư 01/2020/

TT-BTP). Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/4/2020 Điều 14 của Thông tư này có quy định việc chứng thực chữ ký trên Giấy ủy quyền trong bốn trường hợp sau: (i) Ủy quyền về việc nộp hồ, nhận hồ sơ, giấy tờ, trừ trường hợp pháp luật quy định không được ủy quyền; (ii) Ủy quyền nhận hộ lương hưu, bưu phẩm, trợ cấp, phụ cấp; (iii) Ủy quyền nhờ trông nom nhà cửa; (iv) Ủy quyền của thành viên hộ gia đình để vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội.

Đối với việc ủy quyền không thuộc một trong các trường hợp nêu trên thì không được yêu cầu chứng thực chữ ký trên giấy ủy quyền; người yêu cầu chứng thực phải thực hiện các thủ tục theo quy định về chứng thực hợp đồng, giao dịch. Thông tư số 01/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành vô tình “bó hẹp” phạm vi chứng thực chữ ký trên Giấy ủy quyền so với quy định tại Điều 24 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

Như vậy, kể từ ngày 20/4/2020, người có thẩm quyền của Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã không có quyền chứng thực chữ ký trong các Giấy ủy quyền đi Tòa tham gia tố tụng như trước đây nữa và nếu có chứng thực thì văn bản này cũng không có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 01/2020/TT-BTP. Điều đáng nói là Thông tư này ban hành từ ngày 03/3/2020, tuy nhiên thực tế áp dụng pháp luật hiện nay rất thiếu thống nhất khi tại nhiều nơi, UBND cấp xã từ chối chứng thực chữ ký trong giấy ủy quyền đi Tòa, nhưng có nơi UBND cấp xã vẫn chứng thực.

Về phía Tòa án, khi nhận văn bản ủy quyền có chứng thực của UBND cấp xã, một số Tòa vẫn chấp nhận thụ lý giải quyết, có nơi thì không chấp nhận; phía Viện kiểm sát thì có Kiểm sát viên tham gia tố tụng nêu quan điểm giấy ủy quyền chứng thực không đúng quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-BTP thì không có giá trị pháp lý, nên không chấp nhận tư cách của người thụ ủy quyền, có nơi thì không nêu quan điểm. Trong vụ “Tranh chấp đòi tài sản và thuê quyền sử dụng đất” do TAND tỉnh B. thụ lý số 108/2022/TLPT-DS ngày 20/4/2022, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đã nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên xử phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bất ngờ rút đơn khởi kiện. Trường hợp bị đơn và các đương sự khác đồng ý và rút kháng cáo, rút yêu cầu độc lập thì Tòa án sẽ hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, Đại diện VKSND tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa đã phát hiện giấy ủy quyền của nguyên đơn cho luật sư đại diện không hợp lệ do chứng thực chữ ký sau ngày 20/4/2020, nên phải bổ sung giấy ủy quyền mới có công chứng hoặc yêu cầu nguyên đơn có mặt tại phiên tòa rút đơn khởi kiện thì mới hợp lệ. Hội đồng xét xử hội ý và cho phép luật sư điện thoại video cho

nguyên đơn bắt loa cho cả phòng xử nghe, để Thẩm phán chủ tọa hỏi rõ về việc nguyên đơn có đồng ý rút đơn khởi kiện không và hậu quả của việc rút đơn. Sau đó, Hội đồng xét xử đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Theo quan điểm của tác giả, quy định tại Điều 14 Thông tư số 01/2020 của Bộ Tư pháp mâu thuẫn với Điều 24 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ và không hoàn toàn phù hợp với các văn bản pháp luật khác, trong đó có BLTTDS năm 2015. Mặc dù việc công chứng văn bản ủy quyền hiện nay có thể được thực hiện một cách dễ dàng và chuyên nghiệp tại các tổ chức hành nghề công chứng, tuy nhiên, lĩnh vực chứng thực, đặc biệt là chứng thực chữ ký trong Giấy ủy quyền, cần được điều chỉnh. Chính phủ đã ban hành Nghị định về lĩnh vực này, do đó cần mở rộng quyền lựa chọn cho người dân và đương sự, cho phép họ có thể sử dụng hình thức chứng thực chữ ký tại UBND cấp xã để làm giấy ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án. Hình thức này không chỉ giúp tiết kiệm chi phí mà còn tạo sự thuận tiện cho người dân, vì chi phí chứng thực tại UBND cấp xã thấp hơn rất nhiều so với phí công chứng, đồng thời giúp họ không phải di chuyển xa.

4. Nội dung ủy quyền

Dù nội dung ủy quyền phần rất quan trọng của văn bản ủy quyền, các quy định của pháp luật hiện hành không có quy định gì về nội dung, phạm vi ủy quyền trong văn bản ủy quyền, mà chỉ ghi nhận tại khoản 2 Điều 86 BLTTDS năm 2015: “Người đại diện theo ủy quyền trong TTDS thực hiện quyền, nghĩa vụ TTDS của đương sự theo nội dung văn bản ủy quyền”. Việc pháp luật không quy định về nội dung cụ thể của văn bản ủy quyền (một phần hay toàn bộ; xuyên suốt hay theo từng giai đoạn tố tụng vụ án...) là phù hợp với ý chí, nguyện vọng, quyền tự do thỏa thuận, tự định đoạt của đương sự trong quan hệ dân sự và TTDS nói chung.

Trong thực tiễn, có nhiều trường hợp khách hàng/đương sự ủy quyền cho luật sư theo từng giai đoạn và họ có quyền thay đổi người đại diện theo ủy quyền tùy theo năng lực, kinh nghiệm và kết quả làm việc của luật sư. Về nội dung văn bản ủy quyền, hiện nay các tổ chức hành nghề công chứng đều có biểu mẫu do họ tự thiết kế, gồm có: “Hợp đồng ủy quyền” và “Giấy ủy quyền”, trong đó các công chứng viên cho rằng “Giấy ủy quyền” không có quy định trong BLDS năm 2015 và Luật Công chứng năm 2014, nhưng họ soạn thảo theo yêu cầu của khách hàng. Pháp luật về công chứng hiện nay chỉ quy định mẫu lời chứng, không quy định mẫu văn bản ủy quyền.

Mẫu văn bản ủy quyền đi Tòa mà các tổ chức hành nghề công chứng đang lưu hành hiện nay, thường liệt kê các công việc của người thụ ủy quyền và phạm vi đại diện. Khi công chứng theo yêu cầu của các bên, họ sẽ thêm bớt cho phù hợp với yêu cầu của khách hàng. Chính vì nội dung thiết kế theo kiểu “liệt kê” nên có thể sẽ không thể đầy đủ và bỏ sót một số quyền của người được ủy quyền.

Có trường hợp giấy ủy quyền cho luật sư ra trước Tòa án được soạn thảo khá đầy đủ, nhưng không có điều khoản liên quan đến việc kháng cáo bản án sơ thẩm. Khi Tòa án sơ thẩm quyết định giao nhà đất cho nguyên đơn và chia tài sản bằng tiền, khách hàng cần kháng cáo vì kết quả định giá tài sản quá thấp so với giá trị thực tế. Tuy nhiên, vì thiếu điều khoản kháng cáo trong giấy ủy quyền và khách hàng lúc bấy giờ ở nước ngoài, Luật sư không thể làm đơn kháng cáo thay cho khách hàng. Để thực hiện kháng cáo, cần phải bổ sung giấy ủy quyền mới hoặc yêu cầu khách hàng trực tiếp ký đơn kháng cáo và chứng thực chữ ký từ nước ngoài theo quy định pháp luật. Quá trình này trở nên phức tạp và tốn thời gian. Vụ việc này là một bài học quan trọng cho các luật sư về việc soạn thảo giấy ủy quyền đầy đủ ngay từ đầu để tránh những rắc rối trong quá trình tố tụng.

Theo quan điểm của tác giả, căn cứ vào Điều 70, 71, 72 và 73 của BLTTDS năm 2015, đã có quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự; của nguyên đơn; của bị đơn và của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, mang tính liệt kê rất đầy đủ. Ngoài ra, theo khoản 26, Điều 70 còn có “Các quyền, nghĩa vụ khác mà pháp luật có quy định”.

Theo tác giả, nội dung văn bản ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án không cần được soạn thảo theo hướng liệt kê các công việc được ủy quyền, mà chỉ cần ghi rõ: “Bên được ủy quyền được thay mặt và nhân danh bên ủy quyền liên hệ với Tòa án các cấp tham gia tố tụng và được toàn quyền quyết định tất cả những vấn đề liên quan đến vụ án; được thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về TTDS” là đầy đủ, bao quát hết toàn bộ các nội dung khối lượng công việc được ủy quyền mà luật tố tụng đã quy định.

5. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật

Với các vướng mắc, bất cập như đã phân tích ở trên, tác giả kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật liên quan, cụ thể như sau:

Thứ nhất, cần bãi bỏ quy định tại Điều 14, Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/03/2020 của Bộ Tư pháp.

Thứ hai, BLTTDS năm 2015 nên có sự điều chỉnh theo hướng cho phép đương sự lựa chọn một trong hai hình thức ủy quyền tham gia tố tụng sau đây:

- Ủy quyền ngoài Tòa án: Nếu việc ủy quyền được thực hiện ngoài Tòa án thì phải được lập thành văn bản và có công chứng hoặc chứng thực hợp pháp. Văn bản ủy quyền có thể là “Giấy ủy quyền” hoặc “Hợp đồng ủy quyền” theo yêu cầu của đương sự.

- Ủy quyền tại Tòa án: Nếu việc ủy quyền được thực hiện tại Tòa án thì phải được lập thành văn bản trước sự chứng kiến của Thẩm phán hoặc người được Chánh án Tòa án phân công. Việc ủy quyền này có thể thực hiện ngay từ giai đoạn thụ lý vụ việc dân sự hoặc trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, theo yêu cầu của đương sự.

Thứ ba, cần xây dựng điều luật về nội dung ủy quyền, cụ thể:

“Quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền

Người đại diện theo ủy quyền trong TTDS thực hiện quyền, nghĩa vụ TTDS của đương sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

Nội dung ủy quyền có thể ghi nhận toàn bộ quyền, nghĩa vụ TTDS của đương sự hoặc ghi nhận một phần quyền, nghĩa vụ TTDS của đương sự.

Trường hợp nội dung văn bản ủy quyền ghi nhận người thụ ủy quyền được quyền quyết định tất cả các vấn đề liên quan trong vụ án; được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật TTDS, thì đương sự không phải bổ sung bất cứ văn bản ủy quyền trong bất cứ thủ tục nào nữa”. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Triệu Văn Doan, Hoàng Thúy Hằng, Nguyễn Hữu Chính, “Bàn về vấn đề người đại diện trong pháp luật tố tụng dân sự”, *Trang thông tin điện tử Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội*, 2023 [trans: Trieu Van Doan, Hoang Thuy Hang, Nguyen Huu Chinh, “Discussing the issue of representatives in civil procedure law”, Hanoi People’s Procuracy website, 2023]
- [2] Nguyễn Văn Điền, “Ủy quyền và các trường hợp không được ủy quyền”, *Tạp chí điện tử Tòa án nhân dân tối cao*, 2019 [trans: Nguyen Van Dien, “Authorization and cases of non-authorization”, *Electronic Journal of the Supreme People’s Court*, 2019]
- [3] Bùi Thị Hà, “Nhìn lại một số quy định về người đại diện của đương sự theo pháp luật Việt Nam”, *Tạp chí điện tử Dân chủ pháp luật*, 2018 [trans: Bui Thi Ha, “Revisiting some regulations on representatives of litigants under Vietnamese law”, *Electronic Journal of Legal Democracy*, 2018]
- [4] Vũ Thị Bích Hải, Nguyễn Quyết Thắng, “Bàn về văn bản ủy quyền tham gia tố tụng dân sự”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số 399, 2024 [trans: Vu Thi Bich Hai, Nguyen Quyet Thang, “Discussing documents authorizing participation in civil proceedings”, *Journal of Democracy and Law*, No. 399, 2024]
- [5] Phan Thị Bạch Mai, “Văn bản ủy quyền tham gia tố tụng trong vụ án dân sự có bắt buộc phải công chứng, chứng thực hay không?”, *Tạp chí điện tử Tòa án nhân dân tối cao*, 2021 [trans: Phan Thi Bach Mai, “Is a power of attorney document to participate in civil proceedings required to be notarized or authenticated?”, *Electronic magazine of the Supreme People’s Court*, 2021]
- [6] Margaret YK Woo, Connor Cox, Sarah Rosen, “Access to civil justice”, *The American Journal of Comparative Law*, Vol. 70, Issue Supplement_1, October 2022, <https://doi.org/10.1093/ajcl/avac020>